

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
1	28212301054	Phạm An	11/24/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31CYC6	8.7	7.9	Đạt	
2	27207138453	Lê Nguyễn Trang Anh	3/6/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	6.0	6.3	Đạt	
3	28208151401	Nguyễn Thị Minh Anh	5/13/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT11	9.7	9.5	Đạt	
4	29205224072	Phạm Trần Phương Anh	1/4/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	V	V	Vắng thi	
5	28206731865	Tôn Nữ Trâm Anh	10/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN8	5.0	7.8	Đạt	
6	28200350838	Trần Thị Trâm Anh	12/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT11	4.3	7.5	Không Đạt	
7	28204600361	Nguyễn Thị Minh Ánh	9/2/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	9.6	Đạt	
8	28204601698	Đào Đoàn Nguyên Bảo	2/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC6	4.3	6.0	Không Đạt	
9	28218101755	Lê Anh Quốc Bảo	6/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	7.7	9.8	Đạt	
10	28212305852	Nguyễn Gia Bảo	8/5/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC6	7.7	7.3	Đạt	
11	28218003890	Trần Phạm Gia Bảo	7/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC6	7.7	5.0	Đạt	
12	30210250137	Nguyễn Duy Cảnh	5/6/2006	Huế	Nam	Kinh	31TBN11	5.3	2.3	Không Đạt	
13	28213446337	Nguyễn Quốc Chánh	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	7.7	6.8	Đạt	
14	28206706940	Hoàng Phúc Bảo Châu	10/14/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	6.7	3.5	Không Đạt	
15	27202101890	Lê Vương Diệu Chi	10/15/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TSC1	8.7	5.5	Đạt	
16	28206553132	Lý Thị Xuyên Chi	8/6/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CSC6	9.0	7.3	Đạt	
17	28207204603	Nguyễn Phương Chi	2/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC10	9.0	7.3	Đạt	
18	30218045947	Trần Thị Út Chi	6/11/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	4.7	6.9	Không Đạt	
19	28218426714	Đỗ Lê Danh	7/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi	
20	30206327396	Đinh Văn Lê Thị Diễm	5/25/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC6	8.0	8.0	Đạt	
21	29204621540	Võ Thị Diễm	7/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	9.7	7.0	Đạt	
22	29204965650	Hoàng Thị Ngọc Diệp	8/20/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	5.0	Đạt	
23	28206934766	Lê Nguyễn Thị Hiền Diệu	3/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	7.3	5.8	Đạt	
24	28204350106	Lê Thị Huyền Diệu	1/31/2004	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31THT11	8.7	8.5	Đạt	
25	28206248976	Nguyễn Thùy Diệu	3/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC5	6.7	8.4	Đạt	
26	28206203442	Nguyễn Ái Thùy Dung	3/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN6	8.3	7.9	Đạt	
27	28204604095	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/2/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC6	7.3	6.8	Đạt	
28	27215450203	Trịnh Anh Dũng	11/23/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	8.3	8.1	Đạt	
29	28218125221	Trần Lê Khánh Duy	8/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	6.7	5.5	Đạt	
30	28212501034	Trịnh Đình Duy	3/5/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31SYC5	9.3	8.5	Đạt	
31	30206554115	Hoàng Thị Mỹ Duyên	1/18/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC9	8.3	5.0	Đạt	
32	28208002019	Huỳnh Đặng Kỳ Duyên	10/8/2003	Hậu Giang	Nữ	Kinh	31TYC9	9.0	6.5	Đạt	
33	28204603724	Nguyễn Mỹ Duyên	3/29/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TYC10	5.0	2.8	Không Đạt	
34	28206900642	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/16/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC9	9.0	9.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
35	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	5.5	Đạt	
36	28208306062	Phạm Mỹ Duyên	12/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	9.3	Đạt	
37	28207149493	Phạm Thị Mỹ Duyên	4/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT7	8.0	5.0	Đạt	
38	28202737268	Trần Nguyễn Thảo Duyên	1/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	7.7	8.0	Đạt	
39	25215210013	Doãn Ngọc Dương	3/13/2001	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC10	5.7	8.0	Đạt	
40	27205252643	Võ Thị Dương	10/18/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN6	8.7	6.0	Đạt	
41	28213100970	Hồ Ngọc Đại	5/11/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TBN10	8.3	7.5	Đạt	
42	29214623028	Nguyễn Đức Duy Đan	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC6	7.7	5.3	Đạt	
43	28212302902	Nguyễn Lý Hữu Đang	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	5.3	5.8	Đạt	
44	28212500120	Hồ Quốc Đạt	2/21/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SYC5	9.3	8.5	Đạt	
45	28212502222	Lê Quốc Đạt	4/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC10	3.7	3.3	Không Đạt	
46	27213738601	Nguyễn Mai Thành Đạt	7/9/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	4.7	6.5	Không Đạt	
47	28212736393	Vũ Sơn Đạt	9/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	V	V	Vắng thi	
48	28211104896	Nguyễn Hải Đăng	2/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	9.0	Đạt	
49	28204302178	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	9.3	10.0	Đạt	
50	28207100186	Phan Vũ Đình Đình	2/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	7.3	6.3	Đạt	
51	27215252645	Lê Trung Định	9/6/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31SYC5	8.3	7.5	Đạt	
52	27202942225	Trương Đoàn Khánh Đoan	7/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC1	V	V	Vắng thi	
53	27211301178	Phan Ngọc Đức	3/26/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT11	9.3	8.5	Đạt	
54	28207254282	Nguyễn Hương Giang	4/16/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC6	9.3	6.8	Đạt	
55	28208453230	Nguyễn Thị Trạch Giang	8/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	10.0	Đạt	
56	28218005182	Phạm Trường Giang	12/29/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	31TBN11	6.0	5.3	Đạt	
57	28208103828	Trần Quỳnh Giang	7/20/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC6	8.0	5.3	Đạt	
58	28212324396	Võ Bình Giang	8/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	8.7	7.3	Đạt	
59	26205333752	Cao Văn Hà	11/19/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	6.0	Đạt	
60	27202443530	Mang Thị Ngọc Hà	1/2/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT6	9.0	6.3	Đạt	
61	27205239621	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8/28/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CBN6	9.3	9.0	Đạt	
62	28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	5/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	3.5	Không Đạt	
63	28208000880	Nguyễn Thị Việt Hà	1/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.3	5.8	Đạt	
64	28202706073	Hoàng Bích Hải	3/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	7.0	6.0	Đạt	
65	28218305990	Nguyễn Văn Minh Hải	4/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	4.3	9.0	Không Đạt	
66	28212300212	Trần Văn Hải	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	7.7	6.8	Đạt	
67	28208041965	Đoàn Thị Bích Hạnh	10/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC10	9.3	5.0	Đạt	
68	28208105595	Đỗ Thị Hạnh	2/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	7.0	7.0	Đạt	
69	28204631933	Lê Bách Thy Hào	9/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN6	8.0	9.0	Đạt	
70	26207200762	Đặng Thị Thanh Hằng	9/4/2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC4	7.7	5.0	Đạt	
71	28208039257	Phan Thị Hằng	11/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	10.0	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
72	28204605739	Trần Thu Hằng	1/3/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC6	6.3	5.8	Đạt	
73	28208003815	Đinh Ngọc Gia Hân	11/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	6.7	8.8	Đạt	
74	28212305695	Lê Nguyễn Hậu	12/26/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC6	8.7	9.8	Đạt	
75	28217749263	Nguyễn Văn Hậu	1/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	6.3	5.5	Đạt	
76	28212306616	Nguyễn Văn Hậu	3/15/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN11	7.7	8.0	Đạt	
77	28212347202	Phạm Văn Hậu	8/8/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31SYC5	4.0	4.0	Không Đạt	
78	27204244089	Huỳnh Thị Thu Hiền	6/28/2003	An Giang	Nữ	Kinh	31TYC9	9.0	10.0	Đạt	
79	28208036232	Lê Song Diêu Hiền	10/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	8.7	7.0	Đạt	
80	28204605162	Nguyễn Thị Diêu Hiền	2/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	9.0	9.3	Đạt	
81	28206534971	Trần Thu Hiền	6/28/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC6	4.3	3.3	Không Đạt	
82	26217142328	Hoàng Minh Hiếu	6/27/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	5.3	7.8	Đạt	
83	27212129480	Lâm Xuân Hiếu	9/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC6	5.3	7.0	Đạt	
84	28214620671	Lê Trung Hiếu	9/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	7.3	10.0	Đạt	
85	28204628324	Nguyễn Thanh Ngọc Hiếu	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
86	28208052295	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	11/6/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC5	9.7	7.5	Đạt	
87	29214956914	Trần Ngọc Hiếu	10/4/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31CHT6	4.3	5.0	Không Đạt	
88	27211321762	Trần Văn Hiếu	10/30/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	5.0	5.5	Đạt	
89	28204303386	Trịnh Thị Ngọc Hiếu	4/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN6	7.0	7.3	Đạt	
90	28204401029	Võ Thị Hiếu	9/7/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC9	6.0	6.0	Đạt	
91	25211604950	Hàn Sỹ Hình	12/10/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	V	V	Vắng thi	
92	28211334779	Nguyễn Thái Hòa	4/23/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	9.7	6.0	Đạt	
93	27203236769	Trịnh Thị Khánh Hòa	7/15/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	4.7	5.5	Không Đạt	
94	28212745420	Cao Lê Hoàn	7/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	5.7	6.0	Đạt	
95	26215342060	Lê Trần Minh Hoàng	3/10/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31TYC9	9.7	9.5	Đạt	
96	28219346536	Nguyễn Hữu Hoàng	2/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC5	8.3	7.0	Đạt	
97	28212637493	Nguyễn Khánh Hoàng	6/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	8.0	8.0	Đạt	
98	27217539597	Nguyễn Phan Việt Hoàng	10/6/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT11	6.3	8.0	Đạt	
99	28207701774	Trần Nguyễn Khánh Hoàng	9/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC5	9.0	7.0	Đạt	
100	28214300890	Huỳnh Thị Kiều Hoanh	11/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC10	7.7	1.8	Không Đạt	
101	27215252664	Nguyễn Đình Hồng	7/22/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC5	9.3	8.3	Đạt	
102	27207100174	Nguyễn Thị Kim Hồng	8/1/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	6.7	5.3	Đạt	
103	28208400888	Hoàng Thị Huệ	1/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CHT6	8.3	4.3	Không Đạt	
104	28218004624	Lưu Đức Huệ	9/19/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC10	7.0	5.8	Đạt	
105	29206846821	Nguyễn Thị Huệ	4/21/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	5.3	6.3	Đạt	
106	28218453232	Hồ Minh Huy	1/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	6.3	3.5	Không Đạt	
107	28218138239	Huỳnh Nhật Huy	5/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN11	7.0	9.0	Đạt	
108	24217208576	Nguyễn Phan Huy	8/25/1998	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT6	V	V	Vắng thi	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
109	27215239394	Nguyễn Quang Huy	6/27/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN6	9.7	8.5	Đạt	
110	27215327193	Nguyễn Vũ Lê Huy	12/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	6.7	0.5	Không Đạt	
111	27212435584	Phan Minh Huy	4/29/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	5.7	5.0	Đạt	
112	28212504308	Phù Thanh Huy	6/4/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC10	6.7	6.3	Đạt	
113	28218344375	Trần Quang Huy	9/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	5.8	Đạt	
114	30206553886	Bùi Thị Lệ Huyền	4/30/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	5.5	Đạt	
115	28206704844	Lê Thị Ngọc Huyền	3/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	7.7	9.0	Đạt	
116	26205339282	Lê Thị Thanh Huyền	7/14/2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	31TYC10	8.0	7.5	Đạt	
117	27202242179	Nguyễn Thị Thu Huyền	8/1/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN6	9.3	10.0	Đạt	
118	28206500237	Nguyễn Thị Thúy Huyền	12/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN11	9.3	7.1	Đạt	
119	29205241164	Phan Mạnh Kim Huyền	11/18/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC10	5.0	3.8	Không Đạt	
120	29204363096	Thiều Ngọc Huyền	8/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	6.7	6.5	Đạt	
121	28206200201	Trần Khánh Huyền	5/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	8.0	5.3	Đạt	
122	28208027850	Trần Thị Khánh Huyền	12/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	7.7	5.5	Đạt	
123	28204502696	Võ Thị Lệ Huyền	10/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN10	8.7	3.5	Không Đạt	
124	26215300581	Hoàng Phước Hưng	1/22/2002	Huế	Nam	Kinh	31CYC6	10.0	9.3	Đạt	
125	28210202768	Nguyễn Quốc Hưng	2/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	8.7	8.5	Đạt	
126	28212300849	Phan Văn Hưng	11/2/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT6	9.7	10.0	Đạt	
127	26218627019	Trần Bảo Hưng	4/22/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN11	3.7	1.5	Không Đạt	
128	28212706927	Trần Trung Hưng	1/7/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31THT11	4.7	5.0	Không Đạt	
129	28206550385	Đinh Ngọc Minh Hương	8/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	4.3	6.0	Không Đạt	
130	28206105643	Đỗ Quỳnh Hương	2/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	5.7	6.3	Đạt	
131	28208105291	Lê Thị Mỹ Hương	1/16/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	8.0	8.3	Đạt	
132	28205124353	Trần Thị Lê Hương	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	5.3	5.0	Đạt	
133	28208053169	H Bưởi Kbuôr	3/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31SSC5	7.3	8.3	Đạt	
134	28212727754	Lê Trung Kiên	8/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	7.3	9.5	Đạt	
135	28213403378	Trần Đức Kiên	6/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC10	9.0	6.5	Đạt	
136	28218006296	Lê Trí Kiệt	3/20/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TSC10	7.7	7.0	Đạt	
137	28208002969	Lê Thị Thúy Kiều	8/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.0	8.5	Đạt	
138	28208151714	Nguyễn Thị Thúy Kiều	5/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	4.3	5.0	Không Đạt	
139	25202202956	Huỳnh Thị Đình Kính	5/6/1998	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN11	4.3	1.8	Không Đạt	
140	27207124663	Nguyễn Vương Thục Khanh	12/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	9.7	10.0	Đạt	
141	28212306030	Đàm Hoàng Nguyên Khánh	9/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	8.3	7.8	Đạt	
142	26212129984	Lê Đại Khánh	2/23/2002	Gia Lai	Nam	Kinh	31CYC6	6.7	6.8	Đạt	
143	27211200783	Lê Quốc Khánh	2/22/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	4.3	5.6	Không Đạt	
144	28214603971	Ngô Phạm Quốc Khánh	9/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC5	6.0	6.9	Đạt	
145	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	10/4/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN8	5.3	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
146	28210254116	Trần Ngọc Lại	3/3/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	7.0	10.0	Đạt	
147	28208004382	Đỗ Ngọc Thanh Lan	7/13/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN11	9.7	9.8	Đạt	
148	29206565322	Lê Thị Lan	1/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	4.0	Không Đạt	
149	27205450349	Nguyễn Thị Ngọc Lan	6/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	6.5	Đạt	
150	27215200062	Nguyễn Ngọc Lâm	5/16/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN6	9.7	8.5	Đạt	
151	27215252673	Phạm Phúc Lâm	11/8/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC9	9.3	8.0	Đạt	
152	28212754726	Thân Vĩnh Hoàng Lâm	3/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT11	4.0	5.0	Không Đạt	
153	28218001585	Vũ Tài Lân	1/4/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	5.5	Đạt	
154	28213320509	Lê Như Lập	1/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	6.0	7.4	Đạt	
155	27207139637	Trần Thị Mỹ Lệ	10/25/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC5	4.0	4.3	Không Đạt	
156	28208000844	Võ Thị Mỹ Lệ	2/24/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	8.3	8.5	Đạt	
157	28218100450	Đặng Văn Lịch	11/17/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC6	7.7	6.0	Đạt	
158	28204902500	Đỗ Thị Kiều Linh	8/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	8.5	Đạt	
159	29209535871	Lê Thị Mỹ Linh	11/23/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT6	5.7	5.8	Đạt	
160	28200422345	Lê Thị Thùy Linh	9/20/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC5	6.7	6.0	Đạt	
161	29204950854	Nguyễn Đặng Thùy Linh	8/7/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT6	6.7	6.8	Đạt	
162	28205136254	Nguyễn Hà Khánh Linh	4/15/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC9	5.7	5.0	Đạt	
163	27212201549	Nguyễn Quang Linh	9/9/2003	Liên Bang Nga	Nam	Kinh	31CBN6	V	V	Vắng thi	
164	28206502144	Nguyễn Thị Khánh Linh	8/1/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC6	6.7	7.5	Đạt	
165	28208001005	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1/28/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CSC6	8.7	9.5	Đạt	
166	29204950388	Nguyễn Thị Thùy Linh	8/7/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	7.7	9.0	Đạt	
167	27205200520	Phan Thị Ánh Linh	5/29/2003	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CBN6	10.0	8.3	Đạt	
168	26205227522	Tổng Khánh Linh	3/26/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC6	8.0	9.5	Đạt	
169	28213454072	Trần Tấn Linh	7/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC10	6.7	5.0	Đạt	
170	28206204952	Trần Thùy Linh	10/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	9.3	7.3	Đạt	
171	29206323653	Trương Thị Thùy Linh	12/12/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	7.0	6.9	Đạt	
172	28208150083	Văn Thị Phương Linh	8/22/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31THT11	9.3	5.5	Đạt	
173	28208004162	Võ Thị Ngọc Linh	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC6	6.7	6.5	Đạt	
174	29204655123	Lê Nguyễn Hồng Loan	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC10	8.7	7.8	Đạt	
175	27205228686	Vương Thị Mỹ Loan	5/18/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN6	10.0	9.5	Đạt	
176	28212306398	Trần Đức Long	12/16/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC9	8.3	0.0	Không Đạt	
177	28218045425	Mai Hoàng Lộc	3/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	7.7	5.8	Đạt	
178	28219404408	Nguyễn Phước Lộc	1/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	V	V	Vắng thi	
179	28214332370	Văn Bá Bảo Lộc	1/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	4.3	3.8	Không Đạt	
180	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến Lợi	6/25/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC10	6.7	6.0	Đạt	
181	28212703499	Nguyễn Thành Lợi	9/28/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT11	3.7	5.0	Không Đạt	
182	29214327395	Hồ Chánh Luật	5/14/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC10	10.0	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
183	28212338478	Lê Tự Lực	12/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	9.0	6.0	Đạt	
184	28204902943	Cao Thị Ly	6/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC10	9.0	6.8	Đạt	
185	28216204311	Đặng Thị Thảo	2/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	5.7	6.0	Đạt	
186	28204544065	Hoàng Thị Ly	5/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	7.7	6.5	Đạt	
187	28206503178	Lê Khánh Ly	9/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN11	10.0	8.0	Đạt	
188	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2/26/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	4.7	3.8	Không Đạt	
189	29204957291	Trần Thị Ái Ly	8/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	7.7	3.9	Không Đạt	
190	28206701752	Đinh Thị Xuân Mai	7/26/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	7.0	Đạt	
191	26205339303	Trần Tuyết Mai	9/5/2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	31TYC9	8.7	7.8	Đạt	
192	28208004374	Trần Thị Tuyết Mai	1/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	9.0	7.3	Đạt	
193	27202231345	Hoàng Thị Ngọc Minh	6/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT6	6.0	3.8	Không Đạt	
194	28214504035	Lê Đức Bảo Minh	12/14/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC10	5.3	2.5	Không Đạt	
195	28208051243	Nguyễn Ngô Nhật Minh	10/23/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC10	V	V	Vắng thi	
196	28216935219	Trần Ngọc Minh	6/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC5	4.3	5.3	Không Đạt	
197	28218005110	Bùi Văn Sơn Mlô	7/26/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC10	4.7	6.0	Không Đạt	
198	28208300036	Võ Thị Mơ	4/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT11	9.7	8.0	Đạt	
199	28212303952	Hồ Mừng	8/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC5	7.3	7.8	Đạt	
200	28208151176	Hồ Thị Thảo My	9/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC6	8.3	6.5	Đạt	
201	28206254569	Lê Thị Trà My	3/23/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC10	9.0	7.5	Đạt	
202	29206661637	Nguyễn Diễm My	7/2/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	7.7	6.8	Đạt	
203	27215202879	Nguyễn Kiều My	3/18/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	31TYC9	6.0	6.5	Đạt	
204	28206551125	Nguyễn Thị Ngọc My	2/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	4.3	6.0	Không Đạt	
205	28208136280	Nguyễn Thị Y Na	4/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	6.3	Đạt	
206	28208004207	Phạm Huyền Na	10/26/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC9	10.0	9.5	Đạt	
207	27211300981	Đoàn Mạnh Nam	8/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	9.3	6.5	Đạt	
208	28212705391	Trần Hoài Nam	4/30/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN6	6.0	7.5	Đạt	
209	28217702814	Vũ Hoài Nam	2/8/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC5	8.3	8.5	Đạt	
210	28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	8/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	7.3	5.5	Đạt	
211	28208053568	Huỳnh Tuyết Nữ	3/14/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	5.0	4.0	Không Đạt	
212	28205236715	Nguyễn Thị Tổ Nga	7/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC1	4.3	3.0	Không Đạt	
213	28208002271	Phan Thiên Nga	6/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	4.7	3.8	Không Đạt	
214	28206549097	Trịnh Thị Thúy Nga	7/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	9.0	6.8	Đạt	
215	28208020589	Võ Thị Bích Nga	2/5/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	7.0	Đạt	
216	28204400089	Bùi Thị Thảo Ngân	4/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	9.8	Đạt	
217	30206525618	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	5/20/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	7.0	5.8	Đạt	
218	28206206177	Lê Thị Kim Ngân	3/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	4.0	Không Đạt	
219	28208047929	Mai Thị Thảo Ngân	10/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN10	9.3	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
220	27211201896	Ngô Tấn Ngân	6/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC9	V	V	Vắng thi	
221	28206504158	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	5.5	Đạt	
222	26205339309	Trần Hà Ngân	1/21/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	9.3	9.5	Đạt	
223	28208102787	Trần Thị Tuyết Ngân	5/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	7.5	Đạt	
224	28218242693	Đặng Lê Trọng Nghĩa	4/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC9	6.7	6.0	Đạt	
225	26215342454	Phạm Đình Hữu Nghĩa	10/31/2002	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TYC9	9.3	9.5	Đạt	
226	26204732390	Bùi Thị Bích Ngọc	12/3/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	8.3	6.0	Đạt	
227	29204622350	Lê Thị Ánh Ngọc	11/3/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT6	8.7	7.5	Đạt	
228	28208004373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	4.7	7.8	Không Đạt	
229	28207704612	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	8.8	Đạt	
230	29204859847	Nguyễn Thị Như Ngọc	3/4/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN11	7.7	8.5	Đạt	
231	29204322013	Nguyễn Xuân Bảo Ngọc	9/28/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	5.7	6.5	Đạt	
232	28204653373	Phan Bích Ngọc	9/2/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC9	7.3	9.0	Đạt	
233	28204605843	Trần Thị Mỹ Ngọc	10/6/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC6	9.3	7.3	Đạt	
234	28208443312	Trương Thị Bảo Ngọc	2/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	8.3	9.3	Đạt	
235	28214339644	Đỗ Nhật Nguyên	3/15/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	8.0	9.0	Đạt	
236	28206254209	Hồ Hoàng Khánh Nguyên	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT6	9.3	5.9	Đạt	
237	28204653374	Huỳnh Thị Bích Nguyên	7/7/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT6	6.3	6.5	Đạt	
238	28204901598	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	10/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	7.0	5.0	Đạt	
239	28204354629	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	9/6/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	9.0	10.0	Đạt	
240	30211156745	Lê Hữu Nguyên	4/16/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN11	5.0	3.3	Không Đạt	
241	29209521622	Trần Thị Thanh Nhân	7/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT11	10.0	9.3	Đạt	
242	30206521840	Phan Thị Băng Nhận	4/10/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
243	29214655000	Cao Văn Nhật	8/22/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC6	7.3	7.9	Đạt	
244	27218227933	Mai Văn Nhật	1/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.0	6.5	Đạt	
245	28212305952	Phan Quốc Nhật	8/26/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN6	9.3	9.8	Đạt	
246	28208148475	Bùi Thanh Nhi	9/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	8.3	8.5	Đạt	
247	28202738950	Dương Ngọc Bảo Nhi	8/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	6.7	3.8	Không Đạt	
248	27214153688	Dương Tâm Nhi	12/17/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	5.5	Đạt	
249	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	6/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT9	3.7	5.8	Không Đạt	
250	30206553761	Lê Thị Uyển Nhi	10/15/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	5.7	6.5	Đạt	
251	28202701172	Lê Thị Yến Nhi	6/24/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN10	9.0	7.3	Đạt	
252	28204804855	Lê Thị Yến Nhi	3/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	5.0	5.8	Đạt	
253	28208204435	Lê Yên Nhi	9/16/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	7.5	Đạt	
254	28204304168	Nguyễn Thị Hồng Nhi	2/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT5	7.0	6.8	Đạt	
255	29204660650	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	5/11/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	7.5	Đạt	
256	29206544657	Nguyễn Thị Yến Nhi	9/7/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC9	8.7	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
257	28207130764	Nguyễn Thị Yến	Nhi	8/28/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN10	5.0	3.8	Không Đạt
258	28208006701	Phan Thị Bích	Nhi	4/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	5.0	4.4	Không Đạt
259	28206501031	Tạ Thị Yến	Nhi	10/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	6.3	5.3	Đạt
260	28204627009	Trần Phan Thục	Nhi	6/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi
261	28206602977	Trần Thị	Nhi	6/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN11	6.7	6.0	Đạt
262	28204601467	Trịnh Thị Yến	Nhi	3/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	9.3	8.3	Đạt
263	28208037364	Trương Thị Hoàng	Nhi	8/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	7.0	Đạt
264	28207505944	Huỳnh Thị Phương	Nhung	5/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC5	8.7	6.9	Đạt
265	28204337515	Lê Thị Hồng	Nhung	11/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.7	6.8	Đạt
266	28202704925	Nguyễn Thị	Nhung	10/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CBN6	5.0	6.8	Đạt
267	28208001590	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	11/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	6.5	Đạt
268	29208058057	Lê Thị Yến	Như	8/8/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT11	7.7	7.5	Đạt
269	27207100874	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	6/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC6	4.3	1.5	Không Đạt
270	28207202579	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	5/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	8.3	8.3	Đạt
271	29207150572	Phan Quỳnh	Như	7/15/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN10	5.3	3.0	Không Đạt
272	28208106106	Trần Thị Ý	Như	10/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	4.0	2.5	Không Đạt
273	27207101004	Trần Quỳnh	Oanh	4/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	10.0	7.0	Đạt
274	27212253748	Trương Mai	Oanh	10/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC10	4.0	5.0	Không Đạt
275	28211337136	Nguyễn Tấn	Phát	6/29/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	8.7	9.5	Đạt
276	28208147568	Lê Thị Hồng	Phấn	11/15/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT11	6.3	2.0	Không Đạt
277	28213243451	Trần Hữu Thanh	Phong	2/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC9	7.0	7.3	Đạt
278	28212740003	Hồ Duy	Phú	6/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	4.0	8.0	Không Đạt
279	28212742360	Trương Trọng	Phú	2/27/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN10	3.7	3.3	Không Đạt
280	28218104213	Huỳnh Văn	Phúc	9/19/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	7.3	7.3	Đạt
281	27211328037	Nguyễn Bá	Phúc	12/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	5.7	7.3	Đạt
282	28218251544	Phan Nguyễn Hoàng	Phúc	7/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC9	8.0	5.8	Đạt
283	28218102264	Trần Trọng	Phúc	5/14/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN10	5.7	7.0	Đạt
284	27217133852	Nguyễn Lê Kim	Phụng	5/31/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	9.3	5.8	Đạt
285	26215339322	Dương Xuân	Phương	1/16/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31CYC6	8.7	6.3	Đạt
286	28204454163	Đàm Mai	Phương	8/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT6	7.0	9.1	Đạt
287	28207253702	Huỳnh Phạm Mai	Phương	1/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	8.7	9.4	Đạt
288	28208005423	Nguyễn Thị Loan	Phương	3/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	8.7	6.8	Đạt
289	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	5/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	3.7	3.3	Không Đạt
290	29204953428	Lê Thị Thủy	Phượng	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC10	9.0	9.0	Đạt
291	28207228766	Võ Thị Ngọc	Phượng	2/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	7.8	Đạt
292	28214634799	Võ Xuân	Quang	2/10/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	8.0	6.3	Đạt
293	28218130469	Đinh Gia	Quân	11/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	4.0	5.8	Không Đạt

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
294	28212404253	Lê Bá Quân	7/24/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN11	9.3	8.5	Đạt	
295	28212701395	Phan Văn Quân	5/22/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	9.0	5.5	Đạt	
296	28212504613	Trần Minh Quân	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	6.0	9.0	Đạt	
297	28212303613	Nguyễn Minh Quốc	7/1/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31SHT6	9.0	9.0	Đạt	
298	28218141947	Nguyễn Nhật Quốc	5/18/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	10.0	10.0	Đạt	
299	29214946038	Đoàn Nguyễn Văn Quý	6/2/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	5.3	6.4	Đạt	
300	27212202843	Tôn Thất Quý	10/19/2003	Huế	Nam	Kinh	31CSC6	9.3	6.4	Đạt	
301	28200402882	Lê Châu Quyên	8/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.7	6.5	Đạt	
302	28208152250	Lê Thị Lệ Quyên	9/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	5.7	5.1	Đạt	
303	28206506937	Nguyễn Thị Thảo Quyên	8/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.3	5.3	Đạt	
304	28204605298	Lê Thị Ngọc Quỳnh	6/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	6.8	Đạt	
305	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc Quỳnh	10/19/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	5.3	Đạt	
306	29209323383	Trương Như Quỳnh	11/12/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	7.0	6.5	Đạt	
307	28218042132	Nguyễn Thanh Rin	11/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	7.0	Đạt	
308	28212350333	Bùi Đỗ Sang	1/7/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN3	6.0	5.0	Đạt	
309	28218254388	Nguyễn Sáng	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	4.3	6.5	Không Đạt	
310	28214903826	Hà Phước Sơn	4/19/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT4	4.7	6.4	Không Đạt	
311	28206506572	Huỳnh Thị Thu Sương	10/14/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC3	6.3	5.0	Đạt	
312	28212451416	Đỗ Văn Tài	1/3/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN10	6.3	5.8	Đạt	
313	28212301155	Huỳnh Tấn Tài	1/30/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31CSC6	8.0	5.3	Đạt	
314	28208001232	Huỳnh Thị Tài	9/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC6	8.0	6.5	Đạt	
315	28217706788	Nguyễn Minh Tài	2/12/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31SYC5	6.7	6.3	Đạt	
316	27212238072	Trần Đức Tài	1/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC6	5.0	5.8	Đạt	
317	28204136446	Nguyễn Nhân Tâm	6/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	6.7	7.0	Đạt	
318	28209238485	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	1/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	9.0	9.5	Đạt	
319	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh Tâm	12/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	7.5	Đạt	
320	28204650785	Trần Lê Diễm Tâm	6/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	7.0	Đạt	
321	28204605886	Trần Mạnh Phước Tâm	8/23/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT3	9.3	7.3	Đạt	
322	28214741629	Trần Thiện Tâm	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT4	6.7	5.0	Đạt	
323	28207700427	Võ Thị Thanh Tâm	4/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	7.0	Đạt	
324	28218006044	Phạm Minh Tây	6/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi	
325	28208321233	Bùi Thị Á Tiên	2/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	9.0	6.5	Đạt	
326	28209450238	Lê Kiều Cẩm Tiên	4/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	9.3	6.6	Đạt	
327	29203637302	Ngô Thị Kiều Tiên	5/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT11	6.0	8.8	Đạt	
328	28209336343	Nguyễn Thị Hà Tiên	8/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	6.0	Đạt	
329	28206546880	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	6.7	4.0	Không Đạt	
330	28208052913	Hồ Thị Thanh Tiên	1/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN11	8.3	9.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUĐ			
331	28214305684	Nguyễn Hoàng Tiên	Tiền	10/9/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT6	6.0	3.8	Không Đạt	
332	28218025488	Vũ Ngọc Minh	Tín	11/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	6.3	2.5	Không Đạt	
333	27212939270	Nguyễn Ngọc	Tĩnh	5/18/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC6	9.3	6.6	Đạt	
334	26205339346	Lê Thị Vi	Tính	7/30/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	6.3	6.0	Đạt	
335	27213231525	Ngô Nguyễn	Toàn	8/28/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	8.3	8.5	Đạt	
336	28212539645	Nguyễn Văn	Toàn	12/28/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC10	3.3	5.0	Không Đạt	
337	30218263572	Diệp Thanh	Tú	12/4/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	5.3	3.8	Không Đạt	
338	28206503269	Hoàng Thị Cẩm	Tú	6/30/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC10	5.7	5.3	Đạt	
339	28213506275	Nguyễn Anh	Tú	1/13/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TYC10	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
340	27217144200	Nguyễn Công	Tú	12/24/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC4	9.0	6.0	Đạt	
341	28218136356	Đặng Tiến	Tuấn	12/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT6	4.7	5.0	Không Đạt	
342	27212229595	Nguyễn Phạm Anh	Tuấn	6/27/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC6	V	V	Vắng thi	
343	28218304750	Nguyễn Thành	Tuấn	9/25/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	5.3	8.0	Đạt	
344	28214651141	Trần Hồ Anh	Tuấn	8/15/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	6.3	7.5	Đạt	
345	28212703876	Hoàng Văn	Tùng	3/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN6	5.0	4.3	Không Đạt	
346	28206236563	Nguyễn Thị Minh	Tuyển	6/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	9.0	6.3	Đạt	
347	30206554821	Phan Thị Thanh	Tuyển	12/12/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	9.0	10.0	Đạt	
348	27203730787	Đoàn Thị	Thanh	10/29/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC10	4.0	0.8	Không Đạt	
349	28207100317	Nguyễn Phú	Thanh	2/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN10	7.7	5.3	Đạt	
350	27203139503	Nguyễn Thị Đan	Thanh	12/7/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	5.0	6.3	Đạt	
351	29206558626	Nguyễn Thị Phương	Thanh	5/21/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC9	3.7	1.3	Không Đạt	
352	29208163237	Phan Thị Thanh	Thanh	12/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
353	28211141086	Huỳnh Công	Thành	8/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	3.7	6.1	Không Đạt	
354	28212704157	Triệu Minh	Thành	5/6/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC9	8.3	8.5	Đạt	
355	28212702928	Võ Đình	Thành	7/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	5.0	6.0	Đạt	
356	28208152323	Trần Thị Thu	Thao	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	3.7	3.3	Không Đạt	
357	28208053626	Dương Thị Minh	Thảo	3/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SSC5	5.3	6.4	Đạt	
358	28208005673	Hà Thanh	Thảo	3/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	8.7	6.5	Đạt	
359	28208005404	Nguyễn Nho Phương	Thảo	1/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC10	9.7	8.0	Đạt	
360	29204543232	Nguyễn Phương	Thảo	12/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT6	8.3	8.5	Đạt	
361	28208152867	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	6.0	5.9	Đạt	
362	26205339335	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/18/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	5.0	5.8	Đạt	
363	28206204648	Nguyễn Thu	Thảo	7/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	8.3	9.4	Đạt	
364	28208154549	Võ Thị Phương	Thảo	10/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	7.3	7.8	Đạt	
365	29214650949	Hoàng Đình	Thắng	2/12/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT11	4.3	1.5	Không Đạt	
366	28218002858	Trần Hữu	Thắng	4/4/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	9.0	8.3	Đạt	
367	28212700445	Trần Văn	Thắng	4/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT6	7.7	7.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
368	28212705574	Phạm Hoàng Thân	8/17/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CBN6	9.0	8.5	Đạt	
369	28208030194	Nguyễn Thị Thêm	8/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	6.3	5.0	Đạt	
370	29219445166	Nguyễn Hoàn Thiện	6/9/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC6	6.3	5.6	Đạt	
371	27215352341	Võ Ngọc Thiện	11/17/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN8	6.0	6.6	Đạt	
372	28210346306	Hồ Phước Thịnh	5/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC6	5.3	3.5	Không Đạt	
373	28204602788	Nguyễn Thị Thọ	5/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	7.3	6.5	Đạt	
374	28214654145	Nguyễn Văn Thống	1/10/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN6	8.0	10.0	Đạt	
375	26205341898	Nguyễn Ý Thơ	10/3/2002	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TYC9	10.0	7.8	Đạt	
376	30206554749	Trịnh Thị Thiên Thu	12/2/2006	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CHT6	10.0	8.0	Đạt	
377	26215300513	Phan Như Thuần	9/2/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	8.0	8.0	Đạt	
378	28205227655	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	9/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT4	5.3	5.0	Đạt	
379	28214602393	Phạm Đức Thuận	5/25/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT6	6.7	5.5	Đạt	
380	28207105155	Phan Thị Thuận	9/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC6	9.7	8.3	Đạt	
381	28204842296	Nguyễn Thị Xuân Thùy	1/20/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	9.3	9.3	Đạt	
382	29204649975	Vũ Thanh Thùy	6/22/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC6	8.7	8.6	Đạt	
383	28208151910	Nguyễn Thị Thu Thủy	5/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	9.4	Đạt	
384	28208352857	Đinh Phan Thanh Thúy	6/8/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT11	7.3	9.5	Đạt	
385	28206204300	Phan Thanh Thúy	12/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC5	10.0	5.0	Đạt	
386	28203500663	Trần Thị Thúy	9/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	10.0	6.8	Đạt	
387	28202702251	Trần Thị Hồng Thúy	12/18/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT11	4.7	5.8	Không Đạt	
388	28206500176	Bùi Đỗ Anh Thư	4/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	7.0	Đạt	
389	28208031328	Dương Thị Ngọc Thư	10/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	3.0	6.8	Không Đạt	
390	28205245615	Nguyễn Anh Thư	5/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	8.0	2.5	Không Đạt	
391	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh Thư	9/2/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	V	-	Vắng thi	
392	28208303439	Nguyễn Minh Thư	6/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	8.5	Đạt	
393	28207102307	Nguyễn Thị Anh Thư	8/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	7.7	7.3	Đạt	
394	27202141055	Nguyễn Thị Anh Thư	8/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC10	4.0	5.0	Không Đạt	
395	27203129710	Hoàng Thị Hoài Thương	3/19/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	30TSC13	5.3	5.1	Đạt	
396	28212346171	Nguyễn Văn Thương	3/26/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	9.7	8.8	Đạt	
397	28203630418	Đinh Thị Thu Trang	9/5/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC5	6.7	9.5	Đạt	
398	29207160440	Đồng Huyền Trang	6/8/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN10	6.0	4.0	Không Đạt	
399	28208150674	Hoàng Bùi Nguyên Trang	1/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	7.3	9.0	Đạt	
400	28208101109	Huỳnh Thị Thùy Trang	7/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.7	6.0	Đạt	
401	28207130716	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	11/25/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC5	9.3	7.3	Đạt	
402	29206845415	Nguyễn Thị Trang	10/7/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	5.0	4.0	Không Đạt	
403	28207206212	Nguyễn Thị Phương Trang	5/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC3	9.3	5.8	Đạt	
404	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/25/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	4.3	5.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
405	28206700165	Nguyễn Thị Thu Trang	10/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	8.0	6.8	Đạt	
406	29209443156	Nguyễn Thị Thu Trang	1/25/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN11	6.0	6.5	Đạt	
407	27205245967	Nguyễn Thị Thùy Trang	6/4/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	9.0	7.5	Đạt	
408	27205201934	Vũ Thị Kiều Trang	1/23/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	6.8	Đạt	
409	28212735970	Đoàn Văn Tráng	8/20/2003	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31CBN6	7.3	7.5	Đạt	
410	28206702059	Ngô Thị Diệu Trâm	4/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC9	7.3	6.5	Đạt	
411	28209404363	Ngô Thị Quế Trâm	10/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN6	7.0	8.0	Đạt	
412	28218050646	Nguyễn Thị Bảo Trâm	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN10	9.0	6.8	Đạt	
413	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/25/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TSC9	4.7	4.0	Không Đạt	
414	28208036094	Nguyễn Thị Thanh Trâm	2/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	9.3	7.0	Đạt	
415	28204301443	Ông Thị Tô Trâm	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	9.7	7.3	Đạt	
416	28204953870	Phạm Hoài Bảo Trâm	8/19/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT6	6.7	5.4	Đạt	
417	29208145757	Trần Thị Thùy Trâm	12/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	6.7	6.3	Đạt	
418	28208202034	Lê Nguyên Bảo Trâm	4/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC9	8.7	7.8	Đạt	
419	28202700159	Lê Viết Huyền Trâm	2/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	10.0	8.5	Đạt	
420	28204605659	Trần Lê Bội Trâm	11/18/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CBN6	7.3	8.0	Đạt	
421	28212301196	Đoàn Anh Nhật Trí	8/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	6.0	8.0	Đạt	
422	28212300756	Nguyễn Ngọc Trí	10/3/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC9	7.0	7.0	Đạt	
423	28218100393	Phạm Trung Trí	1/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN11	7.0	3.5	Không Đạt	
424	29219324970	Nguyễn Khắc Triệu	11/26/2005	Bình Dương	Nam	Kinh	31CYC6	4.7	6.8	Không Đạt	
425	28206222896	Huỳnh Thị Việt Trinh	10/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	9.5	Đạt	
426	28204337623	Trần Thị Hoài Trinh	8/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	9.3	7.4	Đạt	
427	28208005206	Trương Thị Kim Trinh	8/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	8.7	7.0	Đạt	
428	28212701526	Huỳnh Thế Trinh	9/15/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT11	5.7	6.5	Đạt	
429	26205300629	Nguyễn Thị Ánh Trúc	4/29/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	31THT11	8.0	6.8	Đạt	
430	28212448348	Nguyễn Chí Trung	11/8/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	8.3	8.0	Đạt	
431	28218100745	Nguyễn Đức Trung	9/13/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31THT11	5.7	3.5	Không Đạt	
432	28211105572	Nguyễn Thế Trung	10/21/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31CHT6	9.3	9.3	Đạt	
433	28204803652	Phạm Trần Truyền	7/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN6	-	V	Vắng thi	
434	28213653033	Lê Quang Trường	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC5	7.0	8.5	Đạt	
435	27211301915	Nguyễn Văn Trường	1/24/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	5.3	6.0	Đạt	
436	28218004225	Nguyễn Xuân Trường	3/20/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TSC10	9.3	8.0	Đạt	
437	28214852959	Phạm Nguyễn Quang Trường	2/29/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	8.3	7.0	Đạt	
438	28209301244	Huỳnh Nhã Uyên	6/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	7.7	7.0	Đạt	
439	28208102867	Ngô Thị Tú Uyên	5/28/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN10	9.3	9.3	Đạt	
440	28202705930	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	3/22/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC9	V	V	Vắng thi	
441	28208100046	Nguyễn Tú Uyên	9/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	7.7	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
442	27204301673	Trịnh Thị Thảo Vân	2/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	6.7	7.0	Đạt	
443	28206203537	Nguyễn Lê Tường Vi	11/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	5.0	6.9	Đạt	
444	27211224995	Đình Thanh Việt	2/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	8.7	6.8	Đạt	
445	29214627184	Đoàn Lê Bình Việt	3/15/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC10	9.3	7.5	Đạt	
446	29212455422	Thái Hoàng Việt	3/7/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC5	7.0	8.3	Đạt	
447	28218000754	Võ Quốc Việt	2/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN10	4.0	3.8	Không Đạt	
448	28212449457	Hoàng Đình Vinh	6/7/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	7.3	5.0	Đạt	
449	28212552639	Nguyễn Bảo Vinh	8/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC10	3.3	7.5	Không Đạt	
450	28212401168	Nguyễn Tấn Vinh	5/8/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	8.0	5.0	Đạt	
451	28212703522	Nguyễn Xuân Vinh	2/19/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN10	5.0	6.8	Đạt	
452	28212135697	Hoàng Dương Vũ	1/15/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TYC10	9.3	6.0	Đạt	
453	28212306046	Huỳnh Anh Vũ	7/16/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC10	9.3	7.5	Đạt	
454	28212703879	Lê Cảnh Vũ	5/15/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC9	8.0	8.0	Đạt	
455	28212705795	Nguyễn Long Vũ	6/29/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC9	6.0	7.3	Đạt	
456	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	10/19/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	5.7	6.0	Đạt	
457	28207103448	Nguyễn Lê Triệu Vy	5/31/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC6	6.0	6.5	Đạt	
458	28208006879	Nguyễn Thị Thảo Vy	9/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	5.7	6.8	Đạt	
459	28206503622	Trần Lê Ngọc Vy	10/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	9.7	6.8	Đạt	
460	27211344426	Đỗ Văn Vỹ	2/5/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC4	V	V	Vắng thi	
461	28216801245	Lê Công Nguyên Vỹ	4/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	6.7	5.5	Đạt	
462	28208035310	Nguyễn Thị Trà Xiêm	9/30/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	6.5	Đạt	
463	28208122880	Hồ Thị Thanh Xuân	12/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	6.5	Đạt	
464	28208006094	Trần Thị Như Ý	12/19/2004	Qui Nhơn	Nữ	Kinh	31CHT6	8.0	7.8	Đạt	
465	28206721483	Phạm Thị Thanh Yên	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	7.5	Đạt	
466	28208251532	Bùi Hải Yến	5/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	7.3	Đạt	
467	28203524704	Nguyễn Thị Bích Yến	10/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	9.3	Đạt	